

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

V/v “TrAh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 783/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **ĐẶNG QUỐC V**, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 25/42/26 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Bà **NGUYỄN ĐÌNH MỘNG TRANG T**, sinh năm 1985

Hộ khẩu thường trú: 14/26 đường L, phường M, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: 25/42/26 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2021, các lần làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Quốc V trình bày:

Ông Đặng Quốc V và bà Nguyễn Đình Mộng Trang T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V cấp ngày 18/3/2016.

Vợ chồng ông V chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông V thì: Do tính chất công việc nên ông V thường xuyên phải đi công tác xa nhà, phải ngoại giao nên tiếp xúc, giao lưu với nhiều mối quan hệ nên không có thời gian giành cho vợ con, chăm sóc gia đình. Từ đó vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn, tình cảm rạn nứt. Ông V và bà T đã ly thân khoảng 02 năm nay. Trong thời gian ly thân, gia đình đã hòa giải nhằm giải quyết mâu thuẫn cho vợ chồng, nhưng ông V nhận thấy vợ chồng không còn hiểu nhau, không còn chia sẻ được với nhau trong tất cả mọi vấn đề. Và chính yếu là không còn tình cảm với nhau nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông V và bà T có 03 con chung là Đặng Quốc C, sinh ngày 16/8/2016; Đặng Quốc Đ, sinh ngày 24/10/2017 và Đặng Quốc A, sinh ngày 14/01/2020. Ông V đồng ý để bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 9.000.000đ/tháng/3 con (mỗi con là 3.000.000đ/tháng).

Về tài sản chung, nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng ngày 23/12/2021 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 08/6/2022, bị đơn bà Nguyễn Đình Mộng Trang T trình bày:

Bà T và ông V tìm hiểu nhau khoảng 10 năm thì quyết định kết hôn, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V cấp ngày 18/3/2016. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, ông V là người không chung thủy, có quan hệ sai trái với những người phụ nữ khác. Bà T và gia đình nhiều lần khuyên nhủ, ông V có thay đổi được một thời gian sau đó lại lén lút quan hệ với người phụ nữ khác. Vào tháng 5/2020, sau khi bà T sinh con thứ ba được 04 (bốn) tháng thì gia đình ông V đã biết ông V có quan hệ với người phụ nữ khác nên đã họp gia đình để khuyên can. Ông V không hợp tác còn bỏ nhà đi một thời gian nên vợ chồng ly thân nhau. Sau khi Thành phố V hết giãn cách xã hội (tháng 10/2021), lúc này ông V đã về nhà nhiều hơn, có khi ngủ lại, vợ chồng cũng đã kết nối tình cảm, quan hệ vợ chồng phần nào có cải thiện. Nên theo bà T, ông V còn tình cảm với bà nên mâu thuẫn vẫn có thể giải quyết để vợ chồng hàn gắn. Vì vậy, bà không đồng ý ly hôn. Hiện nay bà T đang đi thử việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông V có 03 con chung là Đặng Quốc C, sinh ngày 16/8/2016; Đặng Quốc Đ, sinh ngày 24/10/2017 và Đặng Quốc A, sinh ngày 14/01/2020. Trong thời gian vợ chồng ly thân, bà T là người trực tiếp chăm sóc 03 (ba) con chung. Trường hợp vợ chồng ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T đồng ý theo mức cấp dưỡng tiền nuôi con do ông V đưa ra là 9.000.000đ/tháng/3 con (mỗi con là 3.000.000đ/tháng).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại Tổ 6, khu phố 2, phường T, thành phố V xác định: Bà T cùng 03 (ba) con sinh sống tại số nhà 25/42/26 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hơn 01 (một) năm nay. Trong thời gian bà T sống tại địa chỉ trên, rất ít thấy ông V ở nhà. Bà T không nhờ tổ dân phố hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên tổ dân phố không biết về mâu thuẫn giữa ông V và bà T.

Tại phiên tòa, ông V có ý kiến đề xuất khác với nội dung đề xuất giải quyết về cấp dưỡng đối với 03 con chung như sau: Cấp dưỡng cho con Đặng Quốc C, sinh ngày 16/8/2016 là 4.000.000đ/tháng (bốn triệu đồng/tháng). Cấp dưỡng cho cháu Đặng Quốc Đ, sinh ngày 24/10/2017 và Đặng Quốc A, sinh ngày 14/01/2020 mỗi cháu là 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng/tháng), cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu qua điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử, thư kí đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định:

- Về hôn nhân: Ông V yêu cầu ly hôn với bà T. Xét hôn nhân ông V, bà T qua trình bày của ông V, bà T và kết quả xác minh thể hiện, mâu thuẫn là có thật, vợ chồng đã ly thân nhau, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt. Nên đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu của ông V, tuyên xử ông V ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông V và bà T có 03 con chung là Đặng Quốc C, sinh ngày 16/8/2016; Đặng Quốc Đ, sinh ngày 24/10/2017 và Đặng Quốc A, sinh ngày 14/01/2020. Dựa trên yêu cầu của ông V, thống nhất với ý kiến của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông V, bà T, cụ thể: Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 (ba) con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại Tòa, Ông V tự nguyện đề xuất cấp dưỡng cho con Đặng Quốc C, sinh ngày 16/8/2016 là 4.000.000đ/tháng (bốn triệu đồng/tháng). Cấp dưỡng cho con Đặng Quốc Đ, sinh ngày 24/10/2017 và Đặng Quốc A, sinh ngày 14/01/2020 mỗi cháu là 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng/tháng), kể từ ngày án có hiệu lực cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Xét đề xuất của ông V tại phiên tòa không trái qui định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về nợ chung và tài sản chung: Ông V và bà T không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:

Ông Đặng Quốc V và bà Nguyễn Đình Mộng Trang T chung sống có đăng ký kết hôn. Ông V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T. Bà T có nơi cư trú tại thành phố V. Vì vậy, vụ án hôn nhân gia đình về “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Đình Mộng Trang T đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt **nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.**

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Đặng Quốc V và bà Nguyễn Đình Mộng Trang T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V cấp ngày 18/3/2016 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo ông V trình bày: Vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông V là do tính chất công việc, phải giao lưu, ngoại giao nhiều nên không còn thời gian giành cho vợ con, chăm sóc gia đình. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm rạn nứt. Vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm nay, mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng không còn chia sẻ được với nhau nữa nên ông V yêu cầu ly hôn.

Còn theo bà T trình bày: Vợ chồng mâu thuẫn là có thật, nguyên nhân do ông V là người không chung thủy, có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2020 nhưng thời gian gần đây ông V hay về thăm nhà, vợ chồng còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vẫn có thể hàn gắn nên bà T không đồng ý ly hôn.

Để có căn cứ xem xét yêu cầu của ông V, Tòa án thu thập chứng cứ, kết quả xác minh cho thấy, ông V và bà T không còn sống chung cùng nhau, phù hợp với thừa nhận của ông V và của cả bà T, nên mâu thuẫn của ông bà là có thật. Ngoài căn cứ cho rằng, thời gian gần đây, ông V có qua lại thăm nom gia đình và khai rằng vợ chồng có kết nối tình cảm, bà T không đưa được chứng cứ, điều kiện về khả năng hàn gắn từ việc giải quyết gốc rễ mâu thuẫn gia đình vợ chồng bà từ chính lý do bà T nêu ra. Rằng căn nguyên rạn nứt gia đình bà từ việc ông V là người trăng hoa, có nhiều mối quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ khác. Bà T cũng thừa nhận, ông V không thay đổi ngay cả khi chính gia đình ông phát hiện ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, đã khuyên nhủ, góp ý nhưng ông V chẳng những không hợp tác mà liên tục tái diễn. Nay ông V cương quyết ly hôn do xác định không còn tình cảm với bà T.

Xét thấy, hôn nhân được xây dựng bằng nền tảng tình cảm, cảm xúc tự nguyện, nhất thiết phải đến từ hai phía. Và mục đích tồn tại của hôn nhân cũng dựa trên nền tảng này. Bởi vì lý do bảo tồn hôn nhân không đơn thuần chỉ để cột buộc hai con người phải chung sống với nhau đến trọn đời hoặc nhằm để giữ gìn về mặt hình thức, trách nhiệm. Khi rạn nứt hôn nhân đã thật sự nghiêm trọng, thì dù xuất phát là lỗi của ai cũng không bảo đảm cho mục đích ý nghĩa tạo dựng, nuôi dưỡng, tồn tại của 01 đời sống hôn nhân đích thực là mang lại những niềm vui, cao hơn nữa là hạnh phúc cho 01 gia đình. Pháp luật đã quy định và yêu cầu: Hôn nhân là sự tự nguyện chung sống, bằng quyền và nghĩa vụ: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”* (Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình).

Đôi chiếu quy định trên thì thấy, mâu thuẫn của ông V và bà T đã tồn tại nhiều năm, theo chiều hướng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích, ý nghĩa tồn tại của hôn nhân không đạt. Ngoài ra, việc bà T vắng mặt đã không tranh thủ sự hòa giải hàn gắn của cơ quan tiến hành tố tụng, phần nào cho thấy bà T không thiện chí, khát khao hàn gắn. Ông V đã được Tòa án động viên nhưng cương quyết ly hôn. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông V là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Đặng Quốc V và bà Nguyễn Đình Mộng Trang T có 03 con chung là Đặng Quốc C, sinh ngày 16/8/2016; Đặng Quốc Đ, sinh ngày 24/10/2017 và Đặng Quốc A, sinh ngày 14/01/2020. Ba con chung hiện đang sống với bà T, phát triển tốt. Nhằm đảm bảo sự ổn định trong tâm lý và phát triển của các con chung, phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của ông V, bà T, nên quyết định giao 03 (ba) con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại Tòa, Ông V tự nguyện đề xuất cấp dưỡng cho con Đặng Quốc C, sinh ngày 16/8/2016 là 4.000.000đ/tháng (bốn triệu đồng/tháng). Cấp dưỡng cho con Đặng Quốc Đ, sinh ngày 24/10/2017 và Đặng Quốc A, sinh ngày 14/01/2020 mỗi con là 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng/tháng), kể từ ngày án có hiệu lực cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Xét đề xuất của ông V tại phiên tòa không bất lợi cho các con, cho bà T; không trái qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Ông V phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đặng Quốc V.

1. Về hôn nhân: Ông Đặng Quốc V ly hôn với bà Nguyễn Đình Mộng Trang T.

2. Về con chung: Là Đặng Quốc C, sinh ngày 16/8/2016; Đặng Quốc Đ, sinh ngày 24/10/2017 và Đặng Quốc A, sinh ngày 14/01/2020, sẽ do bà Nguyễn Đình Mộng Trang T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đặng Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như sau: Cấp dưỡng cho con là Đặng Quốc C, sinh ngày 16/8/2016 4.000.000đ/tháng (bốn triệu đồng/tháng). Cấp dưỡng cho con Đặng Quốc Đ, sinh ngày 24/10/2017 và Đặng Quốc A, sinh ngày 14/01/2020 mỗi con 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng/tháng), kể từ ngày án có hiệu lực cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ cấp dưỡng, thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Đặng Quốc V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí nghĩa vụ cấp dưỡng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001426 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Như vậy, ông V còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố V;
- UBND phường T, Tp. V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Trường

Đặng Song Hoàn

Nguyễn Thị ThAh Huyền

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị ThAh Huyền